

Số: **32** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **08** tháng **02** năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng (Sở Xây dựng Cao Bằng), Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 03/01/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng (Sở Xây dựng Cao Bằng);

Mã số thuế: 4800165706;

Địa chỉ: Km3 Nà Cáp, P. Sông Hiến, TP. Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Địa chỉ: Km3 Nà Cáp, P. Sông Hiến, TP. Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm cấp bổ sung nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

3. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 546**.

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày cấp, bổ sung cho Giấy chứng nhận số 443/GCN-BXD cấp ngày 09/5/2019.

Nơi nhận:

- Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng (Sở Xây dựng Cao Bằng);
- SXD Cao Bằng (phối hợp);
- TT Thông tin (website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT. *h*

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG**



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 546

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 32./GCN-BXD, ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT (1)	Tên phép thử (2)	TCKT của phép thử (*) (3)
XI MĂNG, CLANHKE		
1.	Xác định độ nở hãm của vữa xi măng nở	TCVN 8874:2012 ASTM C806
2.	Xác định thời gian đông kết của vữa xi măng bằng kim Vicat cải tiến	TCVN 8875:2012 ASTM C807
3.	Xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:2012 ASTM C185
4.	Xác định độ nở autoclave	TCVN 8877:2011 ASTM C151
5.	Xác định độ đông cứng sớm bằng dụng cụ Vicat	TCVN 10653:2015 ASTM C451
6.	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068:2004 ASTM C452
7.	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sunfat	TCVN 7713:2007 ASTM C1012
8.	Xác định độ co khô của vữa	TCVN 8824:2011 ASTM C596
9.	Xác định khả năng giữ nước	TCVN 9202:2012
10.	Xác định độ ẩm, cỡ hạt, chỉ số nghiền clanhke	TCVN 7024:2013
CỐT LIỆU		
1.	Xác định khối lượng riêng của đá (xây dựng công trình thủy lợi) trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012
2.	Xác định độ ẩm, độ hút nước của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
3.	Xác định khối lượng thể tích của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014
4.	Xác định độ bền cắt của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014
5.	Xác định độ bền nén I trực của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
6.	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu khô	TCVN 11807:2017
7.	Xác định các chỉ tiêu của cốt liệu nhẹ cho bê tông	TCVN 6221:1997
8.	Hàm lượng hạt lọt qua sàng có kích thước lỗ sàng 75 µm	TCVN 9205:2012
VỮA XÂY DỰNG		
1.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003
2.	Xác định thời gian đông kết vữa tươi	TCVN 3121-9:2003; TCVN 11971:2018; ASTM C807:08; EN 445:07; EN 1105-9:99
3.	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2003; ASTM C1583
4.	Xác định hàm lượng lonclo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2003
5.	Xác định độ chảy, độ co, nở và độ tách nước của vữa	ASTM C939; ASTM C940
6.	Xác định cường độ chịu nén của vữa xi măng khô trộn sẵn không co	TCVN 9204:2012
7.	Xác định thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, chiều dài của mẫu vữa đóng rắn.	TCVN 9204:2012; ASTM C157, C490, C596, C827, C1090
8.	Xác định độ chảy và độ chảy lan tỏa	TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018; ASTM C939, C940, C1437
9.	Xác định độ tách nước, thay đổi thể tích sau 24 giờ	TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018; ASTM C940
10.	Xác định thời gian điều chỉnh, hệ số hút nước do mao dẫn	TCVN 9028:2011
BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG		
1.	Xác định cường độ lãng trụ và mô đun đàn hồi khí nén tĩnh	TCVN 5276:1993; ASTM C39; JIS

Hy 1

		A1127:10; A1149:10; ISO 1920-10
2.	Xác định hệ số thấm nước	TCVN 8219:2009
3.	Xác định các chỉ tiêu kỹ thuật bê tông tự lèn	TCVN 12209:2018
4.	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ cấu kiện	TCVN 12252:2020
5.	Xác định cường độ dính bám của thép với bê tông	ASTM C234
6.	Xác định cường độ kéo khi ép chèn của vật liệu liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
ĐẤT TRONG PHÒNG		
1.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; ASTM D2434-06; AASHTO T215; JIS A 1218
2.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 7376:2004; TCVN 8726:2012; AASHTO T267:91
KIM LOẠI, MỐI HÀN		
1.	Thử kéo	TCVN 8163:2009; TCVN 314:2008; TCVN 6288:1997; TCVN 7937:2013;
2.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp thẩm thấu (PT)	TCVN 4617:2018; ISO 3452:1998; ISO 23277:09; ISO 5817:2007; EN 571:97; ASTM E165:03
3.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp bột từ (MT)	TCVN 4396:86; BS EN ISO 17638:09; ISO 5817:2007; EN 1435:97; ASTM E709:01; ASTM E1444:2005
4.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp chụp røghen	TCVN 4395:1986
5.	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
6.	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
7.	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử va đập	TCVN 5402:2010
8.	Ống - Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; BS EN 10255:2004; ASTM A370 - 17a
9.	Thí nghiệm neo	22TCN 267:00; 22TCN 247:98; TCVN 10568:2017
10.	Xác định chiều dày lớp phủ sơn, mạ kẽm nóng	TCVN 2095:1993; TCVN 5408:2007; ISO 01461:1999
11.	Đo chiều dày kim loại bằng siêu âm	ASTM E797
12.	Độ cứng	TCVN 258-1:2007
13.	Thử cáp dự ứng lực và bộ neo cáp dự ứng lực	TCVN 10952:2015; TCVN 10568:2017; ASTM A370-02
GÓI CẦU		
1.	Xác định độ cứng shore A; Mô đun trượt; Cường độ chịu kéo; Độ dẫn dài; Cường độ kết dính; Biến dạng nén dư	TCVN 10308:2014; A STM D395; AASHTO M251:06
VẢI ĐỊA KỸ THUẬT		
1.	Vải địa kỹ thuật xác định: Lực kéo giật và độ dẫn dài kéo giật; Lực xé rách hình thang, Lực xuyên thủng CBR; Lực kháng xuyên thủng; áp lực kháng bụi; Kích thước lỗ biểu kiến; trọng lượng trên đơn vị diện tích; chiều dày tiêu chuẩn; Cường độ chịu kéo theo phương dọc và phương ngang; Độ dẫn dài khi kéo đứt; Độ thấm xuyên; Khả năng thấm của vải địa kỹ thuật; Khả năng thoát nước của vải địa kỹ thuật và bắc thấm; Khả năng chịu tia cực tím, nhiệt độ và độ ẩm	TCVN 8871-(1 ÷ 6):2011; ASTM D6241:00; ASTM D4533-11; ASTM D4595; ASTM D5261; TCVN 8487:2010; ASTM D5199; ASTM D4491:99; ASTM D4716:03
PHỤ GIA CHỐNG THẤM, PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
1.	Phụ gia chống thấm: xác định độ chống thấm; thời gian khô; độ dính bám với bê tông	TCVN 3116:1993; ASTM D4541
2.	Phụ gia hóa học cho vữa và bê tông xác định: xác định độ pH; tỷ trọng; màu; hàm lượng ion clo; hàm lượng chất khô (tro)	TCVN 8826:2021; ASTM A370
BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG NHỰA TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG		
1.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 8818-2:2011; ASTM D 92-16b; AASHTO T48

2.	Xác định nhiệt độ bắt lửa của nhựa đường lỏng	TCVN 8818-2:11
3.	Xác định hàm lượng nước của nhựa đường lỏng	TCVN 8818-3:11; ASTM D 95
4.	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:11; ASTM D402
5.	Xác định độ nhớt	TCVN 8818-5:11; ASTM D2196
6.	Độ đàn hồi; độ ổn định lưu trữ của nhựa đường Polime	22TCN 319:04; ASTM D6084
7.	Xác định độ nhớt Saybolt Furrol, độ lắng và độ ổn định lưu trữ, hàm lượng hạt quá cỡ, điện tích hạt, độ khử nhũ	TCVN 8817:11; ASTM D2444; AASHTO T59
8.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:11
9.	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11
10.	Xác định hàm lượng dầu, thí nghiệm chưng cất nhũ tương	TCVN 8817-9:11; ASTM D 6997-04
11.	Xác định hàm lượng nhựa, thí nghiệm bay hơi nhũ tương	TCVN 8817-10:11; ASTM D 6934-04
12.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:11
13.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:11
14.	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11; ASTM D6999:04; AASHTO T59:01
15.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11
16.	Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:11
17.	Xác định hàm lượng chất thu được khi chưng cất	22TCVN 354:06
18.	Xác định độ đàn hồi ở 25°C	AASHTO T301
19.	Xác định hàm lượng polime	AASHTO T302
NHỰA POLIMER		
1.	Nhựa Polymer xác định: Độ nhớt Saybolt Furol; Độ ổn định lưu trữ 24 h; % lượng hạt quá cỡ; điện tích hạt; Độ khử nhũ; Thử nghiệm trộn với xi măng; Độ dính bám và tính chịu nước; Thử nghiệm chưng cất; Thử nghiệm bay hơi; Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường.	TCVN 8816:2011
BÊ TÔNG NHỰA		
1.	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ	TCVN 8862:2011
2.	Thử nghiệm thu hồi nhựa đường từ dung dịch sau khi chiết bằng phương pháp Abson	TCVN 11633:2017; ASTN D1856
HIỆN TRƯỜNG		
1.	Đo chuyển vị ngang của đất nền, đo chuyển vị ngang nhà và công trình, đo nghiêng công trình	TCVN 9364:2012; TCVN 9399:2012; TCVN 9400:2012; ASTM D6230
2.	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012; ASTM D6598
3.	Đo độ võng công trình	22TCN 170-87
4.	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012; ASTM E455-04; ASTM E529-04
5.	Thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt của cấu kiện bê tông và bê tông đúc sẵn	TCVN 9347:2012
6.	Bê tông cốt thép - Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn - Phương pháp điện thế	TCVN 9348:2012; ASTM C876:91
7.	Cọc khoan nhồi – xác định tính đồng nhất của bê tông – xung siêu âm	ASTM D6760-02
8.	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng phương pháp động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012; ASTM D5882
9.	Phương pháp biến dạng lớn của cọc (PDA)	TCVN 11321:2016; ASTM D4945
10.	Cọc - phương pháp thí nghiệm nhỏ dọc trục, đẩy ngang	ASTM D3689; ASTM D3966-07
11.	Xác định mô đun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1194; AASHTO T235
12.	Xác định độ thấm nước của đất/đá bằng phương pháp đổ nước - ép nước hố đào và hố khoan	TCVN 8731:2012; 14TCN 83:91; TCVN 9148:2012; ASTM D4105; TCVN 9149:2012
13.	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011

14.	Kiểm tra không phá hoại xác định chiều rộng vết nứt bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:2009
15.	Xác định cường độ kéo nhỏ giữa cốt thép, bulông và bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900-06; ASTM 4435:08; EN-12504-3; 22 TCN 60:84
16.	Lớp phủ mặt kết cấu - PP thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012
17.	Xác định độ đồng đều và hàm lượng nhựa, nhũ tương, cốt liệu trong quá trình thi công đường	TCVN 8863:2011; TCVN 9505:2012
18.	Thí nghiệm cột điện bê tông ly tâm: kích thước và ngoại quan, cường độ bê tông, khả năng chịu tải	TCVN 5847:2016
19.	Công hợp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9116:2012; ASTM C76
20.	Mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn	TCVN 6394:2014
21.	Nắp hố ga, nắp chắn rác, nắp bể cấp	BS EN 124:2015; TCVN 10333-3:2014
22.	Hố ga thu nước mưa và hố ngăn mùi	TCVN 10333-1:2014
23.	Bô vỉa bê tông đúc sẵn	TCVN 10797:2015
24.	Gối công bê tông đúc sẵn	TCVN 10799:2015
25.	Thử cọc BTCT dự ứng lực (kiểm tra kích thước hình học; ngoại quan; độ bền uốn nứt; uốn gãy; bền cắt; mối nối; uốn dọc trục)	TCVN 7888:2014; JIS A 5373:2016
26.	Thí nghiệm đo áp lực nước lỗ rỗng	TCVN 8869:2011
27.	Thí nghiệm xuyên động	ASTM D6951
28.	Thí nghiệm đo áp lực nén ngang	ASTM D4179
29.	Thử nghiệm hỗn hợp xi măng đất	TCVN 9403:2012; ASTM D559, D560; ASTM D1633/34/35
30.	Kiểm tra siêu âm thành vách hố khoan cọc khoan nhồi	TCVN 9395: 2012; 22 TCN 257:2000
31.	Kiểm tra độ thẳng thành vách cọc khoan nhồi	TCVN 9395:2012
32.	Khoan lấy lõi cọc khoan nhồi	TCVN 9395 :2012
33.	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hố đào, hố khoan	TCVN 8731:2012
34.	Xác định độ chặt của đất bằng xuyên vít	ASTM D2573-08
35.	Thành phần hạt của đất trong điều kiện hiện trường	22 TCN 66:1984
DUNG DỊCH BENTONITE POLYME		
1.	Xác định độ bền gel và tỷ số YP/PV	TCVN 13068:2020
NƯỚC		
1.	Xác định hàm lượng cặn không tan; xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
2.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
3.	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 6194:1996
4.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
5.	Xác định hàm lượng sunfat	TCVN 6200:1996
6.	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6196-3:00
7.	Váng dầu mỡ và màu sắc	TCVN 4506:2012
GẠCH, NGÓI		
1.	Gạch xây, gạch xi măng lát nền xác định: cường độ nén, uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; lực va đập xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp mặt	TCVN 6355:09; TCVN 6065:95; ASTM C67-12; AASHTO T32-10
2.	Ngói: Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng một mét vuông ngói bão hòa nước	TCVN 4313:1995
3.	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999
4.	Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ thấm nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016
5.	Gạch Terazo: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, uốn; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 7744:2013

6.	Gạch Granito: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; Xác định độ mài mòn lớp mặt và độ chịu lực xung kích; Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995
ĐÁ ÓP LÁT TỰ NHIÊN, ĐÁ ÓP LÁT NHÂN TẠO		
1.	Kiểm tra kích thước, ngoại quan và chất lượng bề mặt	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009
2.	Xác định kích thước và hình dáng; Xác định độ hút nước; Xác định độ bền uốn; Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài; Xác định độ bền sốc nhiệt; Xác định hệ số giãn nở âm; Xác định độ bền rạn mem; Xác định độ bền băng giá; Xác định độ bền hóa học; Xác định độ bền chống bám bẩn; Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mosh	TCVN 6415:2016
3.	Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016
ĐẤT, ĐÁ DẦM CẤP PHỐI, CẤP PHỐI THIÊN NHIÊN GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH VÔ CƠ, VẬT LIỆU ĐÁP		
1.	Xác định KLTT khô lớn nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
2.	Thí nghiệm đầm nén proctor đất, đá dăm	TCVN 12790:2020; AASHTO T99, T180
3.	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4546
4.	Xác định các đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
5.	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012; ASTM D4546
6.	Xác định tổng hàm lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan của đất	TCVN 8727:2012
7.	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012; AASHTO-T49; ASTM D2434-00
8.	Gia cố đất bằng chất kết dính vô cơ, hóa học hoặc gia cố có tổng hợp xác định: Cường độ kháng ép (cường độ nén); Độ bền chịu ép chèn; Modun đàn hồi; Độ ẩm tối ưu cho đất gia cố bằng xi măng (Độ ẩm phương pháp khô và ướt, độ bền theo thời gian)	TCVN10379:2014; ASTM D1633:96; TCVN 8862:2011; TCVN 9843:2013; TCVN 8858:2011; ASTM D559:96; ASTM D560:96
9.	Gia cố đất nền yếu - Phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012
10.	Xác định cường độ ép chèn của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011; 22TCN 59:84
11.	Xác định cường độ kháng nén, modun đàn hồi, độ ổn định sau 5 chu kỳ bão hòa của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843:2013; 22TCN 59:84; ASTM D1633-17
SƠN KÊ ĐƯỜNG NHIỆT ĐỘ		
1.	Độ bám dính	ASTM D4541
2.	Ngoại quan của vạch kẻ; kích thước hình học; độ phản quang; độ mài mòn; độ phát sáng; xác định độ chống trượt	TCVN 8791:2011
3.	Sơn kẻ đường hệ dung môi; Sơn kẻ đường hệ nước	
4.	Chiều dày vạch sơn	TCVN 9760:2013; TCVN 9760:2016; ISO 2808
5.	Chiều rộng vạch sơn	TCVN 8788:2011
6.	Màu vạch sơn	TCVN 2102:2008; ASTM D6628
7.	Độ bám dính	ASTM D4541
8.	Xác định độ chống loang màu; xác định độ mài mòn;	TCVN 8786:2011
CỬA SỔ VÀ CỬA ĐI		
1.	Xác định: độ lọt khí, kín nước, áp lực gió, kiểm tra kích thước, độ bền góc hàn thanh profile, độ chịu va đập, lực đóng và mở lặp	TCVN 7452:2004; TCVN 7451:2004; TCVN 9366:2012; ISO 140-3 1995
VÁN GỖ NHÂN TẠO		
1.	Độ trương nở chiều dày sau 24h ngâm nước	TCVN 7756-5:2007; ISO 24336:05; BS EN 13329; EN 317
2.	Độ bền uốn tĩnh ván gỗ nhân tạo	TCVN 7756-6:2007; EN310
3.	Độ bền kéo vuông góc với mặt ván gỗ nhân tạo	TCVN 7756-7:2007; EN319
4.	Xác định kích thước, độ vuông góc và thẳng cạnh, độ ẩm, khối lượng thể tích, độ bền âm, chất lượng dán dính của gỗ dán, độ	TCVN 7756:2007; EN324-1,2; EN322; EN323; EN321; EN1087-

	bền bề mặt, lực bám dính giữ đinh vít	1; EN314-1; EN13329:09; EN311; EN320
VẬT LIỆU GỖ		
1.	Xác định độ hút ẩm	TCVN 8046:2009
2.	Xác định độ bền tách	TCVN 8047:2009
3.	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bền uốn tĩnh; Xác định mô đun đàn hồi uốn tĩnh; Xác định giới hạn bền nén; Xác định ứng suất kéo song song thớ; Xác định giới hạn bền kéo; Xác định ứng suất cắt song song thớ; Xác định độ bền cắt song song thớ; Xác định độ bền uốn va đập; Xác định độ cứng va đập;	TCVN 8048-(1÷16):2009
KÍNH		
1.	Kính xây dựng xác định: Kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018
2.	Kính phẳng tối nhiệt xác định: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ cong vênh; Ứng suất bề mặt của kính; Độ bền va đập bị rơi; Độ bền va đập con lắc.	TCVN 7455:2013
3.	Kính dán dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp xác định: Sai lệch kích thước và hoàn thiện cạnh sả phẩm; Khuyết tật ngoại quan; Thử độ bền; Thử độ va đập bị rơi, con lắc	TCVN 7364:2004 TCVN 7368:2013
THẠCH CAO, BỘT BÀ		
1.	Xác định kích thước, độ sâu gờ vuốt thon; Xác định độ cứng; Xác định cường độ chịu uốn; Xác định cường độ nén; Xác định độ biến dạng; Xác định độ hút nước; Xác định nhớt dính; Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8256:2009; TCVN 8257:2009
2.	Thử nghiệm bột bả: độ mịn, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ giữ nước, độ bám dính, hàm lượng lưu huỳnh dễ bay hơi	TCVN 7239:14; TCVN 6017:15; TCVN 4030:03
3.	Thử nghiệm khung trần, khung vách, thử nghiệm mối nối thạch cao	TCVN 5408:07; ASTM D 3882:08; ASTM 635:13, C645:18, A370, BS EN 13963:14
DÂY ĐIỆN, CÁP		
1.	Kích thước, đường kính vỏ ngoài, đường kính sợi chiều dày cách điện, độ bền kéo và giãn dài khi đứt	TCVN 6614:08; TCVN 7305:2008; TCVN 5935:2013
2.	Kiểm tra số sợi, kiểm tra mặt cắt danh định	TCVN 6612:2007
3.	Đường kính ruột dẫn, đường kính sợi đồng, điện trở của ruột dẫn, điện trở cách điện	TCVN 6610:2014
ỐNG NHỰA, ỚNG VÀ PHỤ TÙNG NỐI BẰNG PVC, ỚNG NHỰA XOẢN HDPE, BẢO ÔN		
1.	Thử nghiệm ống nhựa xác định: Đường kính, chiều dày thành ống, Đo áp suất bên trong; xác định độ va đập; thử độ chịu nhiệt; Ống PVC dùng để cấp nước uống xác định: hàm lượng chiết ra được của chì, thiếc, cadimi và thủy ngân	TCVN 6145:2007; TCVN 6149-1:2007; TCVN 6144:2003; ASTM D1525; TCVN 6146:1996; ISO 6992:1986; TCVN 6140:21996; ISO 3114:1977
2.	Ống và phụ tùng nối bằng PVC xác định : Kích thước; Độ bền với áp suất bên trong; Độ bền va đập bên ngoài; Nhiệt độ hóa mềm vicat	TCVN 6151:1996; TCVN 6149:2007
3.	Xác định độ bền kéo và giãn dài	TCVN 7434:2004
4.	Ống nhựa gân xoắn HDPE xác định: Kích thước và sai lệch; độ bền của ống trong môi trường hóa chất, độ biến dạng hình học và áp lực nén ngoài của ống; Áp lực trong của ống.	TCVN 9070:2012
5.	Bảo ôn xác định: Kích thước, Tỷ trọng, Thử cháy	ASTM 1667; ASTM D 1056:98
SON		
1.	Thử nghiệm sơn tường, sơn nhũ tương: độ bám dính, độ rửa trôi, chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8652:12; TCVN 8653:12; TCVN 6934:01;

Ghi chú : Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.